



TRƯỜNG THCS LONG THỌ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2024-2025

Môn: Ngữ Văn – Lớp 7

I. TRI THỨC NGŨ VĂN

* **Thể loại: Thơ bốn chữ, năm chữ.**

1. Khái niệm

- Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường ngắt nhịp 2/2.
- Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.

2. Hình ảnh trong thơ

- Là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.

3. Vận, nhịp trong thơ

- Vận:

- + Vận chân là vận được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau.
- + Vận lưng là vận được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vận với nhau
- + Vai trò của vận: liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

- Nhịp:

- + Nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng đều đặn ở cuối mỗi dòng thơ.
- + Vai trò: tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung bài thơ.

II. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

1. Phó từ

a. Khái niệm

- Phó từ là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ. Có thể chia phó từ thành hai nhóm sau:

b. Phân loại

- Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ, bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ, chẳng hạn: những, các, mọi, mỗi, từng,...
- Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau động từ, tính từ, chẳng hạn: đã, sẽ, đang, vẫn, còn, cứ, không, chưa, chẳng, rất, quá, lắm,...

c. Chức năng

- Khi đứng trước động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất được nêu ở động từ, tính từ một số ý nghĩa như: quan hệ thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến,...

- Khi đứng sau động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho động từ, tính từ đó một số ý nghĩa như: mức độ, khả năng, kết quả và phương hướng,...

2. Dấu chấm lửng

a. Khái niệm

- Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (...), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.

b. Công dụng

- Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước nó.

- Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

- Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

- Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

- Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

III. VIẾT

- **Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu**

Bố cục bài viết cần đảm bảo:

+ **Mở bài:** Giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.

+ **Thân bài:** Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/ sự kiện lịch sử, kết hợp kể chuyện với miêu tả.

+ **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết về sự việc.

*** Ngữ liệu Thơ bốn chữ, năm chữ ngoài sách giáo khoa để tham khảo**

Văn bản 1:

MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

Mấy ngày mẹ về quê

Là mấy ngày bão nổi

Con đường mẹ đi về

Con mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một

Ba bố con nằm chung

Vẫn thấy trống phía trong

Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Củi mùn thì lại ướt.

Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sớm lại chiều no bữa
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

Tác giả: Đặng Hiền.

(Trích Hồ trong mây)

Văn bản 2:

ĐƯA CON ĐI HỌC

(Tế Hanh)

Sáng nay mùa thu sang
Cha đưa con đi học
Sương đọng cỏ bên đường
Nắng lên ngời hạt ngọc

Lúa đang thì ngậm sữa
Xanh mướt cao ngập đầu
Con nhìn quanh bờ ngõ

Sao chẳng thấy trường đâu?

Hương lúa tỏa bao la

Như hương thơm đất nước

Con ơi đi với cha

Trường của con phía trước

Thu 1964

(In trong Khúc ca mới, Tr.32, NXB Văn học, 1966)

Văn bản 3:

“...Anh đội viên thức dậy

Thấy trời khuya lắm rồi

Mà sao Bác vẫn ngồi

Đêm nay Bác không ngủ.

Lặng yên bên bếp lửa

Vẽ mặt Bác trầm ngâm

Ngoài trời mưa lâm thâm

Mái lều tranh xơ xác.

Anh đội viên nhìn Bác

Càng nhìn lại càng thương

Người Cha mái tóc bạc

Đốt lửa cho anh nằm.”[...]

(Trích bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” – Minh Huệ)

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Câu thơ nào nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về trong văn bản 1?

Câu 2. Tình cảm, cảm xúc của con dành cho mẹ trong bài thơ là gì?

Câu 3. Nêu chủ đề của bài thơ trong 3 văn bản?

Câu 4. Em rút ra bài học gì sau khi đọc bài thơ (văn bản 1,2,3)?

Câu 5. Cảm nhận của em về hình ảnh thơ trong hai dòng thơ cuối của văn bản 1.

Câu 6. Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản 1, 3.

Câu 7. Người cha muốn nhắn gửi điều gì với con qua hai câu thơ cuối?

Câu 8. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ “ Lúa đang thì bụng sữa”.

Câu 9. Theo em hình ảnh “hạt ngọc” được hiểu là gì trong văn bản?

Câu 10. Qua văn bản 2 em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người cha trong bài thơ?

Câu 11. Tâm trạng của anh đội viên biểu hiện như thế nào trong đoạn thơ?

Câu 12. Nghĩa của từ “ trăm ngâm ” được hiểu như thế nào?

Câu 13. Em có suy nghĩ gì về hình ảnh của Bác trong đoạn thơ trên?

Câu 14. Qua đoạn thơ, em sẽ làm gì để thể hiện lòng kính yêu đối với Bác?

Trong quá trình ôn tập, HS chú ý đề kiểm tra sử dụng ngữ liệu ngoài SGK. Câu hỏi sẽ dựa vào kiến thức phân tri thức Ngữ Văn và tri thức tiếng Việt kết hợp với việc HS đọc kĩ và hiểu rõ nội dung văn bản ngữ liệu tham khảo.

_____ **HẾT** _____